

Bản án số:33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Ngọc

2. Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/HSST-QĐ ngày 03/7/2023; Thông báo V/v thay đổi thời gian xét xử số 07/2023/TB-TA ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn D, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn D vào ngày 16/12/2002, được đăng ký kết hôn tại UBND xã M trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh D không thương yêu chăm sóc vợ con mà còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã trao đổi, động viên anh D rất nhiều nhưng anh D không thay đổi, mà vợ chồng còn xảy ra, chửi bới đánh đập lẫn nhau. Cuối năm 2020, chị và anh D tự sống ly thân, mọi quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Quá trình Tòa án giải quyết ông Bùi Văn Hồ (bố đẻ anh Bùi Văn D) xác định: Anh Bùi Văn D kết hôn cùng chị Nguyễn Thị N vào ngày 16/12/2002, được đăng ký kết hôn tại UBND xã M trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng anh D ở chung cùng gia đình ông, sau ra đất chuyển đổi cùng thôn ở. Quá trình chung sống, anh D do đi làm thuyền bè, nên thỉnh thoảng anh D mới về nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng có nhiều xa cách, gần hai năm nay chị N cũng lên Hà Nội làm thuê, có công việc chị N mới về quê, nên kể từ đó anh D và chị N không gặp nhau. Quá trình Tòa án giải quyết, ông đã nhận được giấy tờ Tòa án gửi cho anh D, ông cũng đã giao lại cho anh D, nhưng quan điểm của anh D không nhất trí ly hôn, còn chị N cương quyết xin ly hôn, thì tùy chị N quyết định.

Về con chung: Chị N và anh D có hai con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 21/9/2003 và cháu Bùi Văn M, sinh ngày 18/02/2012. Hiện cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M hiện đang ở cùng anh D, chị N đề nghị được nuôi cháu, còn nếu anh D có nguyện vọng được nuôi cháu thì chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh D là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M đủ tuổi trưởng thành. Gia đình anh D có quan điểm đề nghị được nuôi cháu M. Cháu M cũng có nguyện vọng xin được ở cùng anh D.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị N tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương xã M cung cấp: Chị N và anh D kết hôn với nhau ngày 16 tháng 12 năm 2002 được đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn D.

Về con chung: Giao cháu Bùi Văn M, sinh ngày 18/02/2012 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu M 1.000.000đ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

Đối với cháu Bùi Văn T, sinh ngày 21/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Bùi Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn D không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt xử chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Bùi Văn D trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị N đề nghị xin ly hôn anh D, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ và niềm tin đối với nhau, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Cuối năm 2020, chị N và anh D đã tự sống ly thân. Quá trình giải quyết chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh D vắng mặt không có ý thức hòa giải quan hệ hôn nhân cùng chị N. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có hai con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 21/9/2003 và cháu Bùi Văn M, sinh ngày 18/02/2012. Xét đề nghị nuôi dưỡng con chung của chị N phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con chung hiện nay của hai bên, cũng như nguyện vọng của cháu M. Nên cần chấp nhận giao cháu Bùi Văn M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu M là phù hợp.

Hiện cháu Bùi Văn T đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh D đối với cháu M là 1.000.000đ/tháng. Gia đình anh D nhất trí. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Văn M, sinh ngày 18/02/2012 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Bùi Văn T, sinh ngày 21/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Bùi Văn D đối với cháu Bùi Văn M, sinh ngày 18/02/2012, 1.000.000đ/tháng, được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh D yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà chị N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001317 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị N còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã M, KM,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền